

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2020

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sấn

2. Ông Phạm Viết Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TTN, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh TNM, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị TTN, vắng mặt anh TNM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bản tự khai ngày 18/02/2020 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị TTN trình bày: Chị và anh TNM đăng ký kết hôn ngày 17/12/1994 tại UBND xã Q, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh TNM còn có hành động đánh đập vợ con, phá đồ trong nhà. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có cách nào cải thiện được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh TNM.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, các cháu tên là THN, sinh ngày 08/11/1996 và TTV, sinh ngày 23/7/1998. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị TTN xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị TTN xác định vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2020, bị đơn là anh TNM trình bày: Anh và chị TTN tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn năm 1994 tại UBND xã Q, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng từ năm 2004 đến năm 2014 chị TTN nhiều lần đi xuất khẩu lao động, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu lòng tin ở nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị TTN làm đơn ly hôn, anh mong muốn con cái có bố có mẹ và không muốn việc bố mẹ ly hôn ảnh hưởng đến tâm lý các con, nên anh không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh TNM xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu THN, sinh ngày 08/11/1996 và TTV, sinh ngày 23/7/1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và đã đi làm nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh TNM không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị TTN vẫn tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn anh TNM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh TNM là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định nên việc chị TTN yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định.

Ngày 28/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa xét xử, anh TNM được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh TNM đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227 và 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh TNM.

[2] Về hôn nhân: Chị TTN và anh TNM kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Yên Định vào ngày 17/12/1994, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn kéo dài, các bên không tự giải quyết được.

Mặc dù anh TNM không muốn ly hôn, nhưng thông qua quá trình làm việc với các đương sự cũng như ý kiến của anh TNM thể hiện tại bản tự khai thì thấy: Vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, từ năm 2013 đến nay không quan tâm gì đến nhau, việc anh không muốn vợ chồng ly hôn là để cho con cái không phải chịu tác động xấu từ việc bố mẹ ly hôn. Nhưng hiện nay các con của anh chị đã lớn, đủ khả năng nhận thức, bản thân mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài mà không có biện pháp nào hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử cho chị TTN được ly hôn anh TNM.

[3] Về con chung: Chị TTN và anh TNM có 02 con chung là THN, sinh ngày 08/11/1996 và TTV, sinh ngày 23/7/1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, có công việc tự nuôi sống được bản thân, các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị TTN phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị TTN được ly hôn anh TNM.

2. Về án phí: Chị TTN phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2015/0003555 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (*Chị TTN đã nộp đủ án phí*).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị TTN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh TNM được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND T.T Quán Lào, Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng